



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Thủy Điện Miền Nam

Ngày 31/03/2025	36,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	1.9%	9.6%	10.8%

DT thuần Q1/25
66.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼173 -72.3%
YoY: ▲ 9.50 16.8%

LN thuần Q1/25
15.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼128 -89.0%
YoY: ▲ 21.7 366%

LN sau thuế Q1/25
13.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▼117 -89.8%
YoY: ▲ 19.5 310%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/25
24.8%
YoY: +/-▼ 36.0%

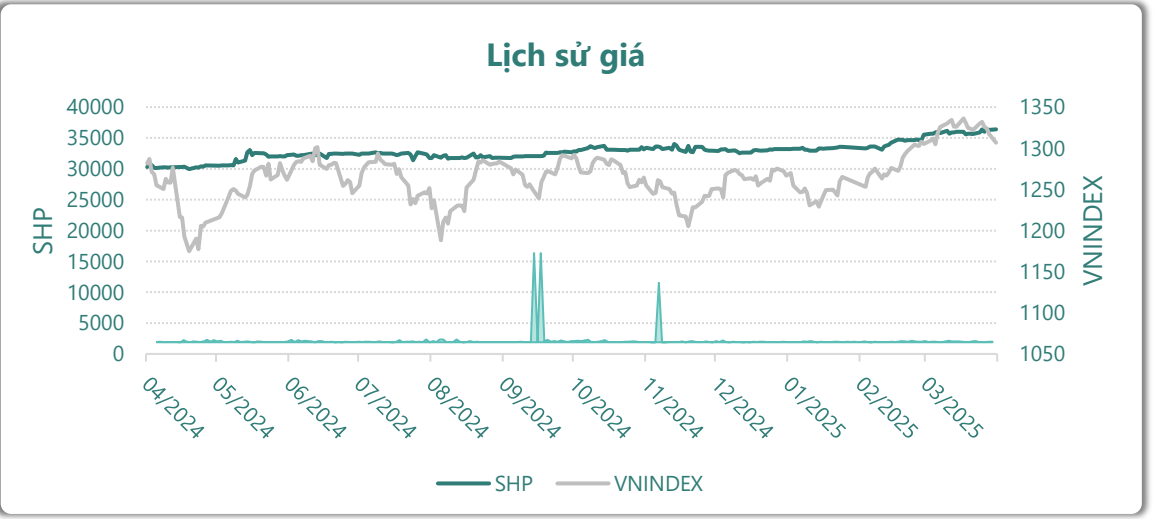
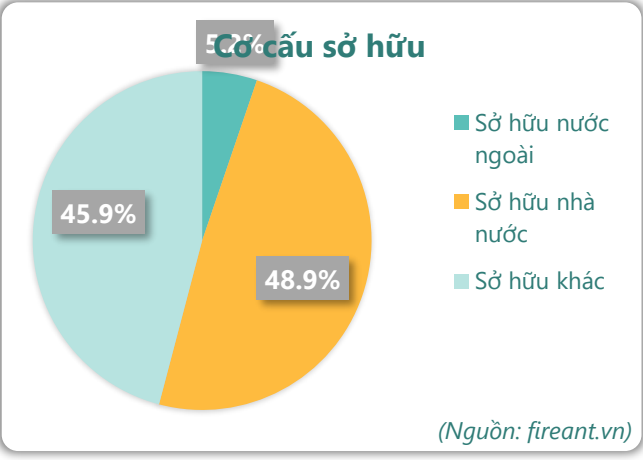
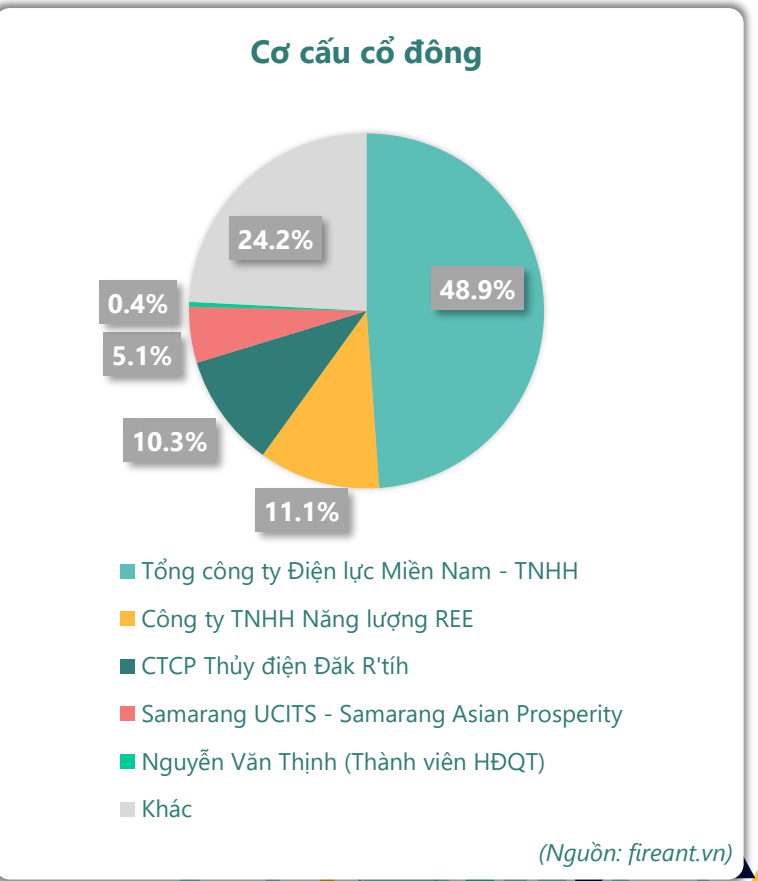
ROE (TTM) Q1/25
25.8%
YoY: +/-▲ 3.8%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	29,953 - 36,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,684
Số lượng CPLH (CP)	101,206,352
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,510
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	
EPS	3,116
P/E	11.7

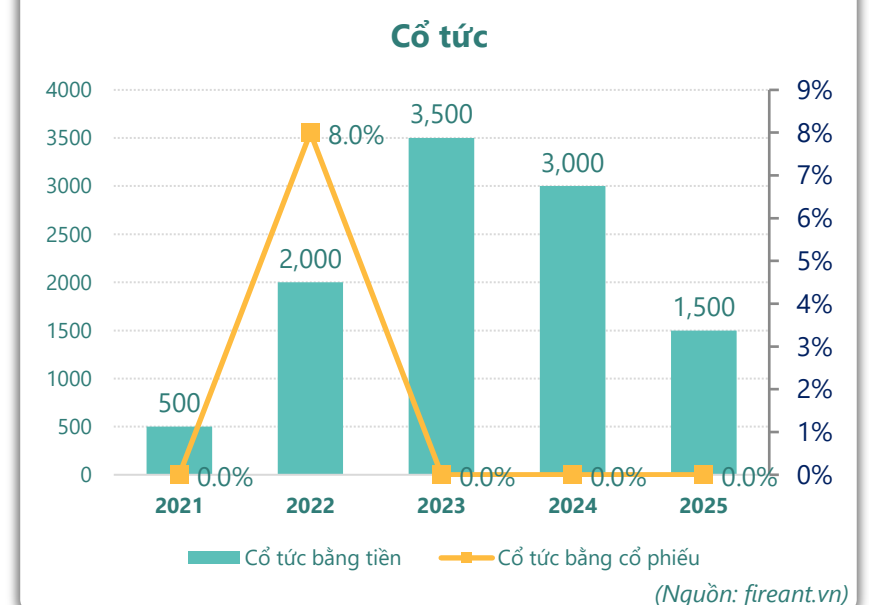
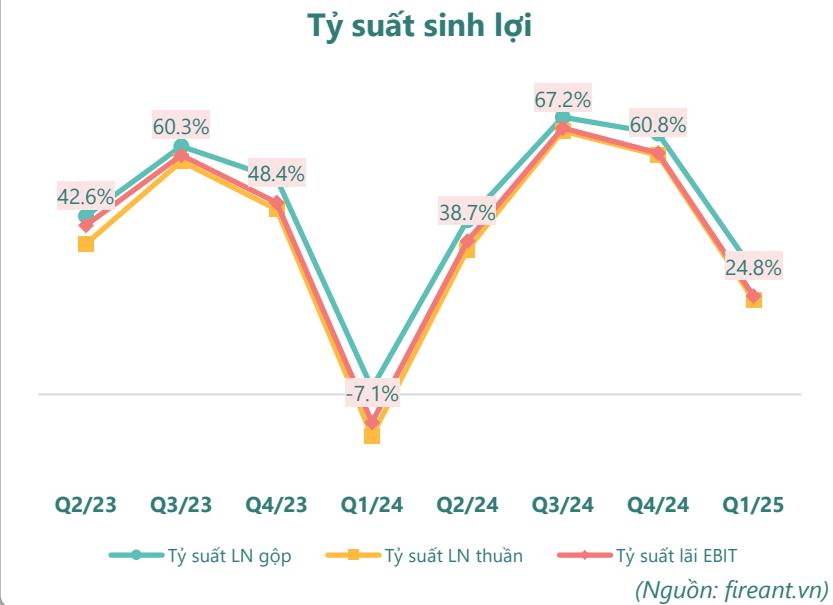
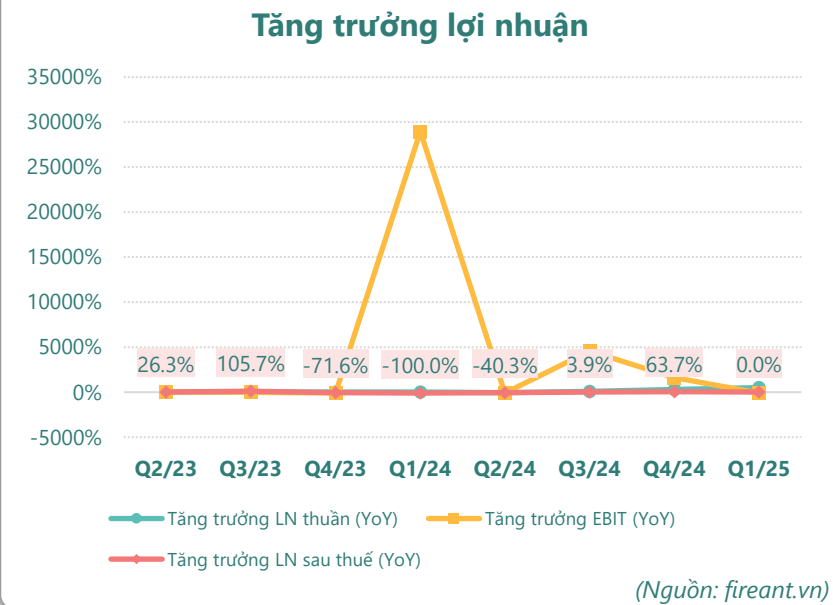
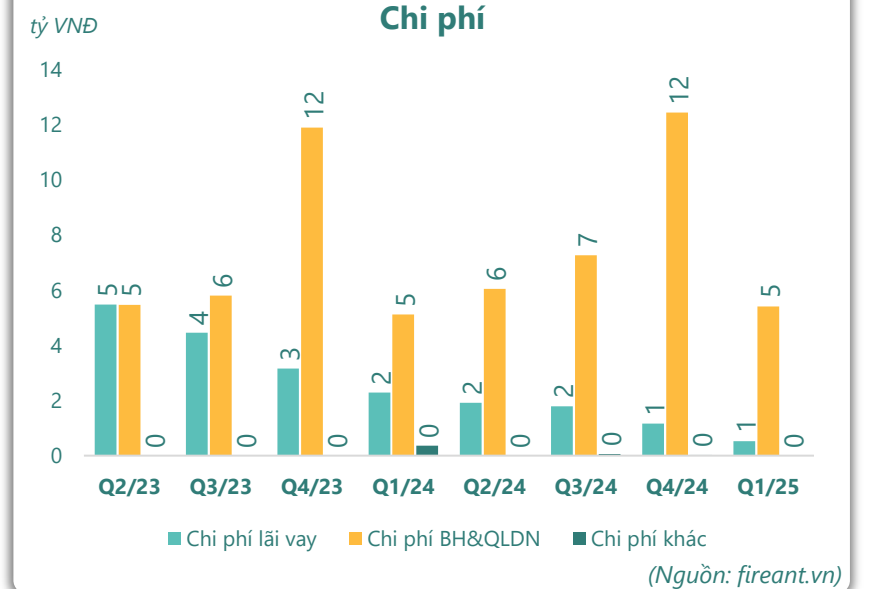
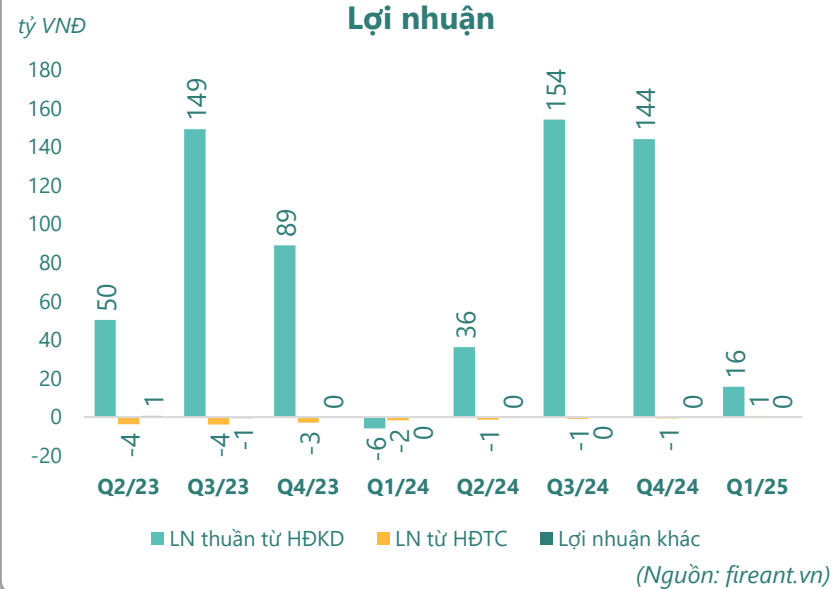
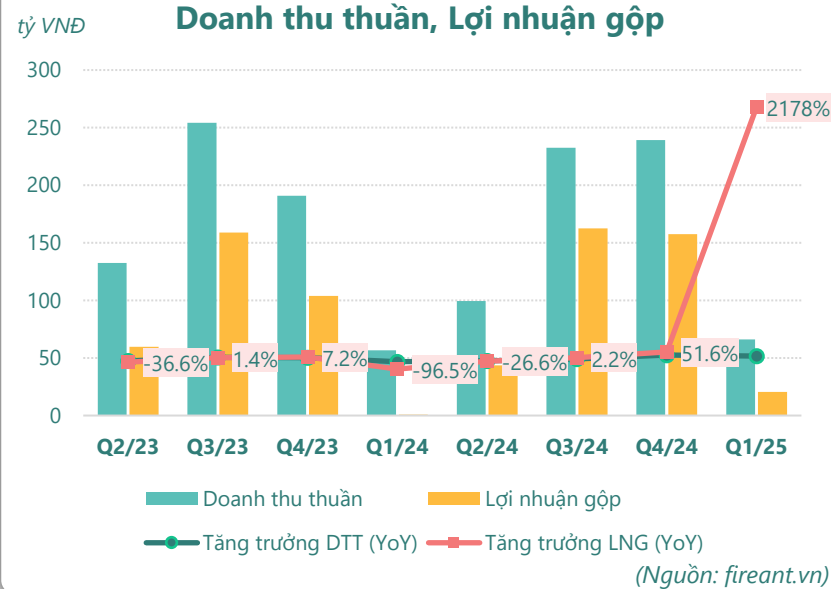
DT thuần 2024
628
tỷ VNĐ
YoY: ▼33.0 -5.0%

LN thuần 2024
329
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 23.0 7.6%

LN sau thuế 2024
296
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 21.0 7.5%



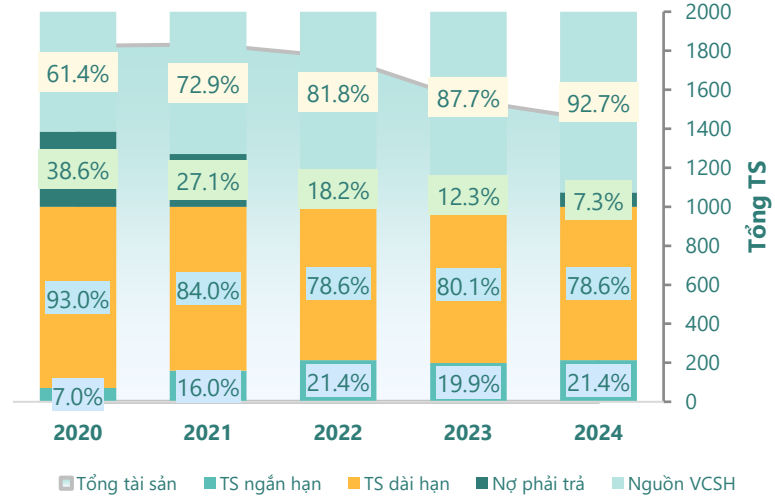
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

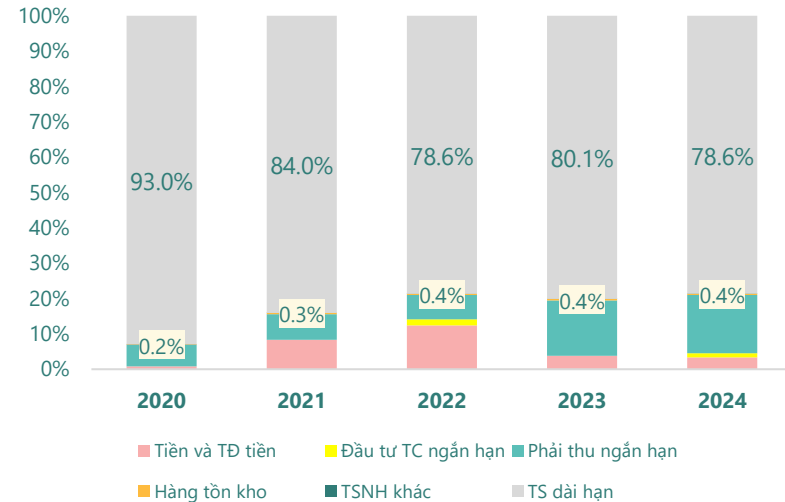
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

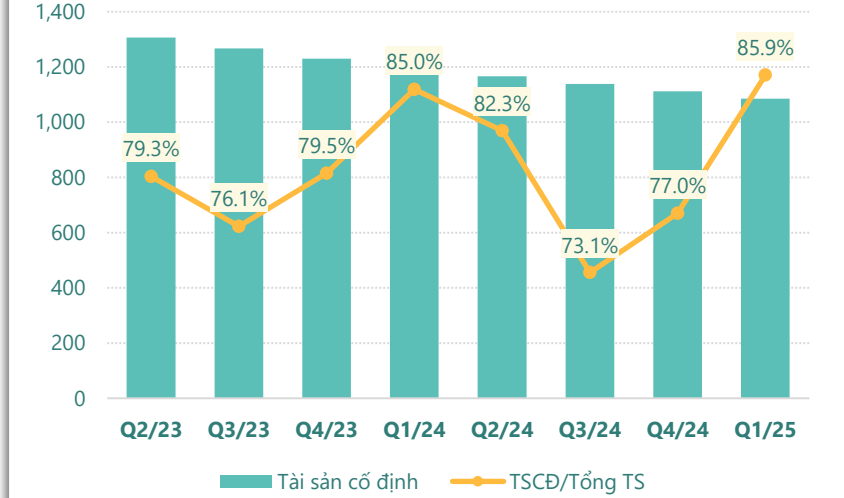
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

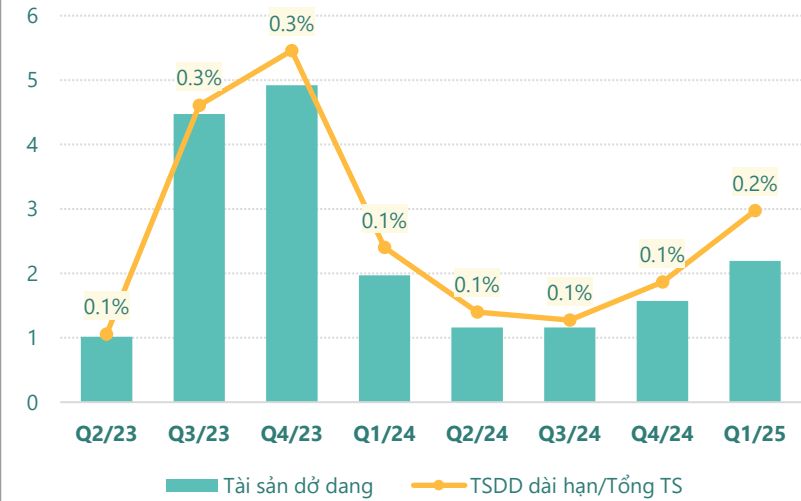
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

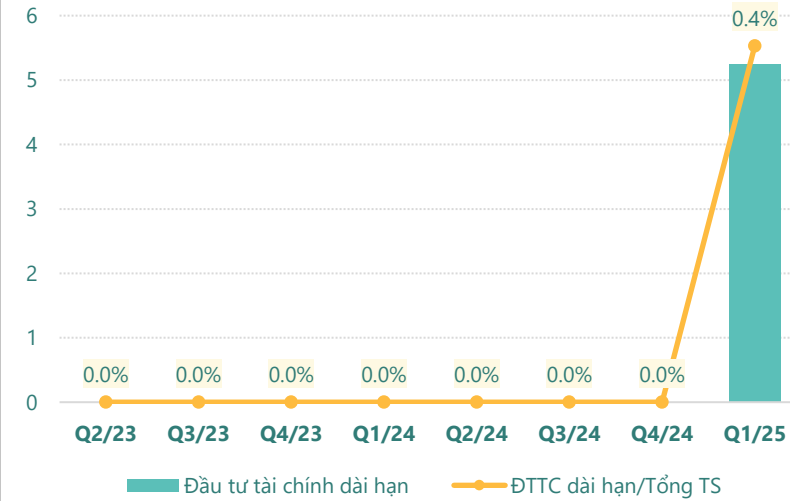
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

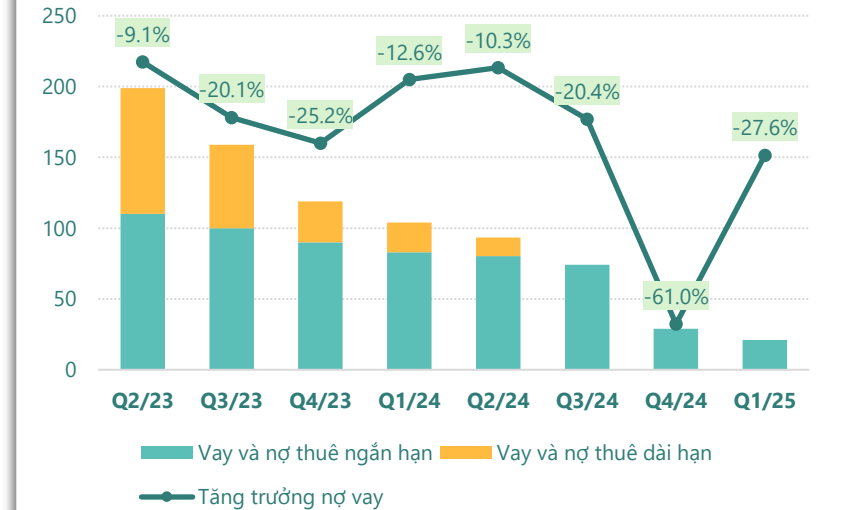
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

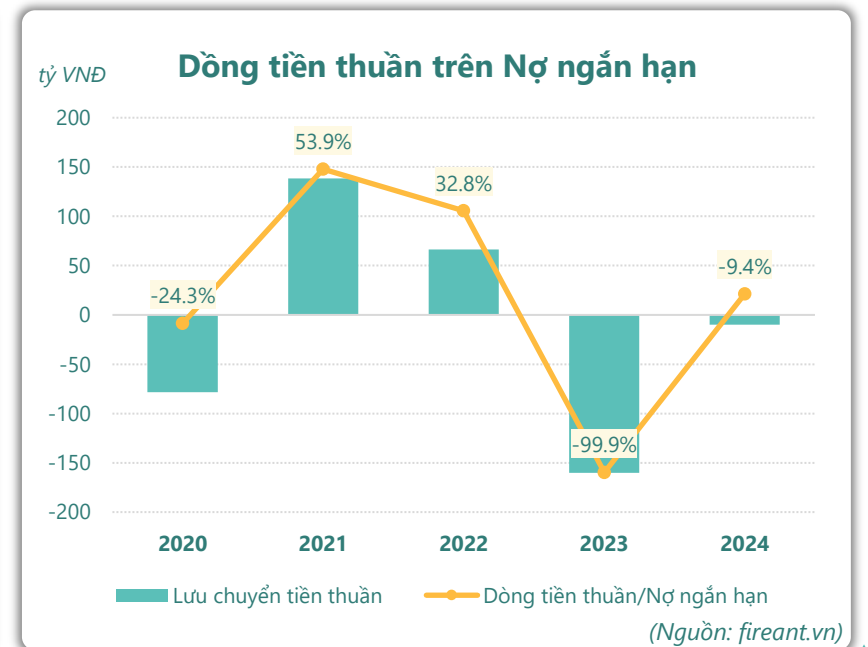
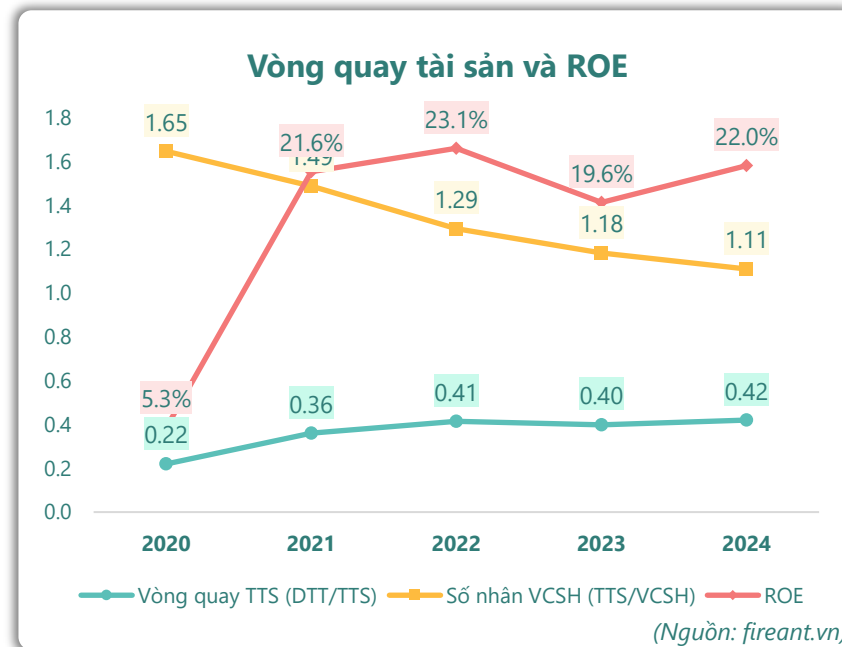
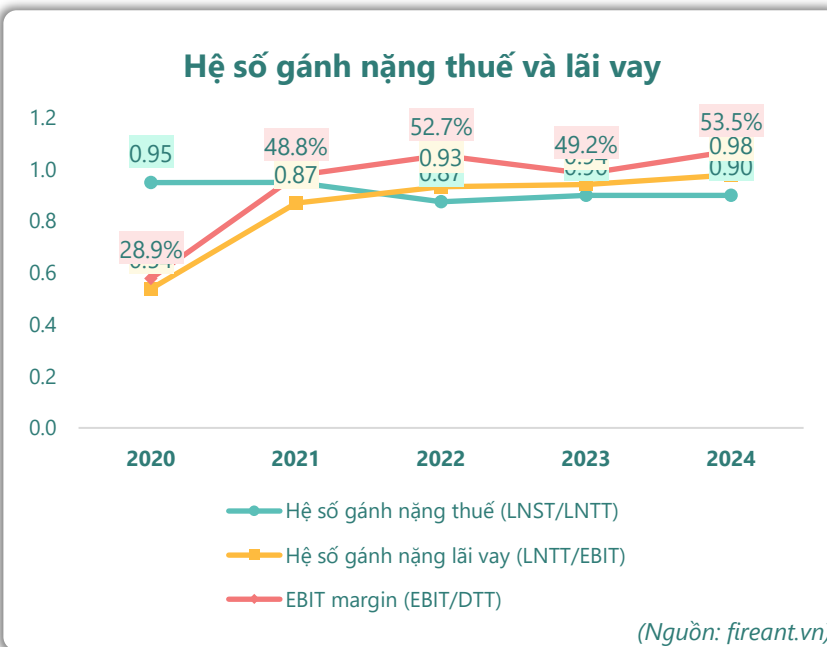
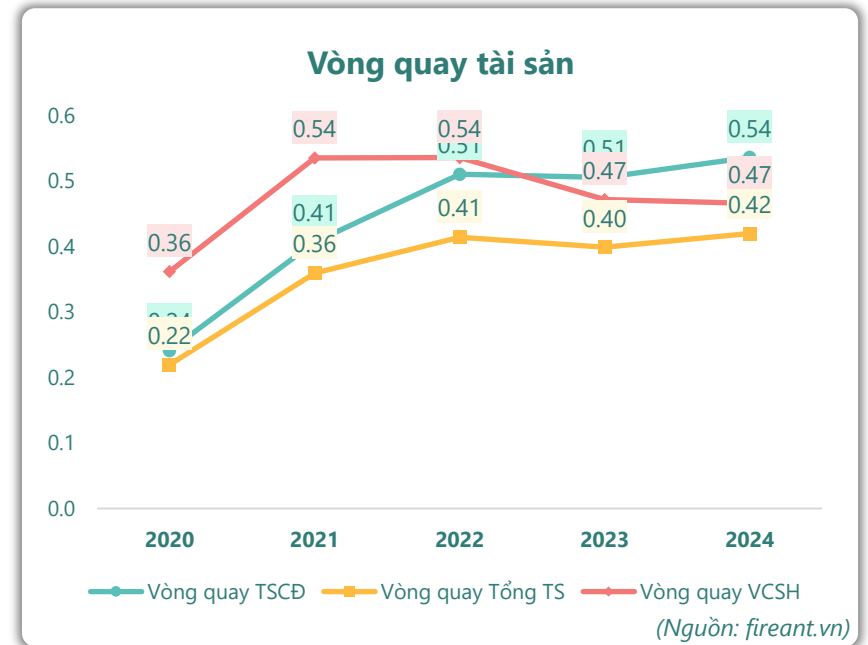
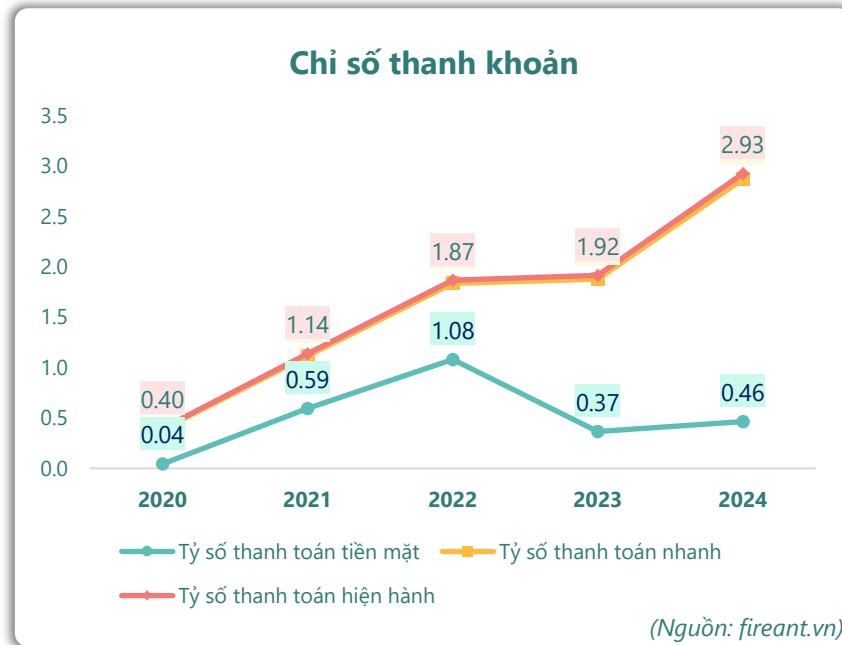
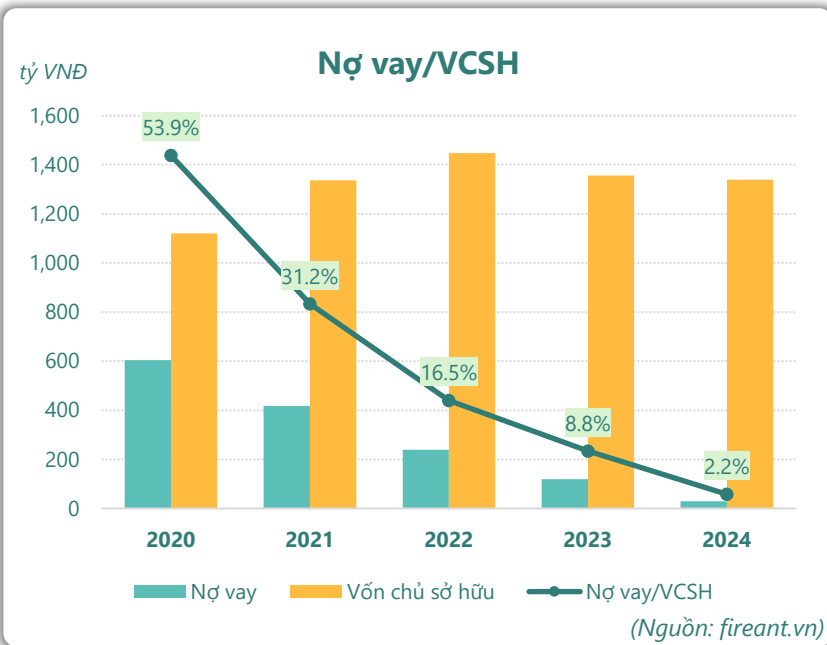
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	66.1	56.6	16.8%	628	661	-5.0%
Giá vốn hàng bán	45.5	55.7	-18.3%	263	313	-15.9%
Lợi nhuận gộp	20.6	0.90	2190%	365	348	4.7%
Doanh thu HĐTC	1.12	0.57	96.1%	2.49	4.90	-49.2%
Chi phí TC	0.53	2.29	-76.9%	7.16	19.1	-62.5%
Chi phí lãi vay	0.53	2.29	-76.9%	7.16	19.1	-62.5%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	5.42	5.12	5.9%	30.9	28.2	9.5%
LN thuần từ HĐKD	15.8	-5.94	366%	329	306	7.6%
Lợi nhuận khác	0.08	-0.34	125%	0.07	0.19	-61.4%
LN trước thuế	15.9	-6.28	353%	329	306	7.5%
Lợi nhuận sau thuế	13.2	-6.28	310%	296	275	7.5%
LNST của CĐ cty mẹ	13.2	-6.28	310%	296	275	7.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	111	157	31.8	122	93.2	187
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.06	-20.0	-0.04	20.3	-22.0	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-191	-104	-22.8	-19.7	-245	-158
Tiền đầu kỳ	139	58.9	91.5	100	223	49.0
Lưu chuyển tiền thuần	-80.6	32.6	8.96	122	-174	28.4
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	58.9	91.5	100	223	49.0	77.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,264	1,444	-12.5%
Tài sản ngắn hạn	161	309	-48.0%
Tiền và tương đương tiền	77.4	49.0	58.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.8	16.8	0.0%
Phải thu ngắn hạn	60.8	237	-74.4%
Hàng tồn kho	5.52	5.80	-5.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.57	0.72	-20.9%
Tài sản dài hạn	1,102	1,135	-2.9%
Phải thu dài hạn	0.70	6.01	-88.3%
Tài sản cố định	1,085	1,112	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.19	1.57	39.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	5.24	5.24	0.0%
Tài sản dài hạn khác	8.96	10.3	-12.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	63.5	106	-40.0%
Nợ ngắn hạn	63.5	106	-40.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.0	29.0	-27.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.21	3.07	-28.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,200	1,339	-10.4%
Vốn chủ sở hữu	1,200	1,339	-10.4%
Vốn điều lệ	1,012	1,012	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

